UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Số: 336 /QĐ-SKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Đo lường ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc uỷ quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 cho Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Khu vực 2 (địa chỉ trụ sở chính: Số 91 An Dương Vương, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi, ĐT: 0987 852 752; Email: info@intest.vn) như sau:

TT	Tên chuẩn đo lường	Số sản xuất/năm sản xuất/hãng sản xuất/nước sản xuất	Ký hiệu/kiểu/đặc tính kỹ thuật đo lường chính	Lĩnh vực kiểm định	Ghi chú

1	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261008 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-10 - Phạm vi đo: 10 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,046 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 1)
2	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261008 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-10 - Phạm vi đo: 10 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,046 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 2)
3	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261008 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-10 - Phạm vi đo: 10 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,046 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 3)
4	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 260853 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-20 - Phạm vi đo: 20 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,092 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 4)
5	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 260853 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-20 - Phạm vi đo: 20 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,092 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 5)
6	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 260853 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-20 - Phạm vi đo: 20 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,092 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 6)
7	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261009 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-40 - Phạm vi đo: 40 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,184	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 7)

			mg/L		
8	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261009 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-40 - Phạm vi đo: 40 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,184 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 8)
9	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261009 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-40 - Phạm vi đo: 40 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,184 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 9)
10	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261009 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-40 - Phạm vi đo: 40 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,184 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 10)
11	Dung dịch chuẩn Amoni	- Số SX: 261009 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11359-I-40 - Phạm vi đo: 40 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,184 mg/L	Phương tiện đo hàm lượng Amoni của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 11)
12	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260850 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-100 - Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,460 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 1)
13	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260850 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-100 - Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,460 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 2)
14	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260850 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-100 - Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường	Hạn sử dụng: 31/08/2028 (Chai số 3)

			bảo đo: ± 0,460 mg/L	nước	
15	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260809 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-250 - Phạm vi đo: 250 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 1,15 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/07/2028 (Chai số 4)
16	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260809 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-250 - Phạm vi đo: 250 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 1,15 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/07/2028 (Chai số 5)
17	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 260809 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-250 - Phạm vi đo: 250 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 1,15 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/07/2028 (Chai số 6)
18	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 261005 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-400 - Phạm vi đo: 400 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 1,84 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 7)
19	Dung dịch chuẩn COD	- Số SX: 261005 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11357-I-400 - Phạm vi đo: 400 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 1,84 mg/L	Phương tiện đo nhu cầu Oxy hoá học của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 31/10/2028 (Chai số 8)
20	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260640 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11356-I-100 - Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,460 mg/L	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/06/2028 (Chai số 1)
21	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260640 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11356-I-100 - Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,460 mg/L	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/06/2028 (Chai số 2)
22	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260640 - Năm SX: 2026	- Catalog number: Q-11356-I-100	Phương tiện đo tổng chất rắn	Hạn sử dụng:

		- Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Phạm vi đo: 100 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,460 mg/L	lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	30/06/2028 (Chai số 3)
23	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260943 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11356-I-200 - Phạm vi đo: 200 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,920 mg/L	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 4)
24	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260943 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11356-I-200 - Phạm vi đo: 200 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,920 mg/L	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 5)
25	Dung dịch chuẩn TSS	- Số SX: 260943 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: Q-11356-I-200 - Phạm vi đo: 200 mg/L - Độ không đảm bảo đo: ± 0,920 mg/L	Phương tiện đo tổng chất rắn lơ lửng trong nước của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 6)
26	Dung dịch chuẩn pH 10	- Số SX: 260837 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: QCI-112-10 - Phạm vi đo: pH 10 - Độ không đảm bảo đo: ± 0,001	- Phương tiện đo pH - Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 1)
27	Dung dịch chuẩn pH 10	- Số SX: 260837 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: QCI-112-10 - Phạm vi đo: pH 10 - Độ không đảm bảo đo: ± 0,001	- Phương tiện đo pH - Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 2)
28	Dung dịch chuẩn pH 10	- Số SX: 260837 - Năm SX: 2026 - Hãng SX: NSI - Nước SX: Mỹ	- Catalog number: QCI-112-10 - Phạm vi đo: pH 10 - Độ không đảm bảo đo: ± 0,001	- Phương tiện đo pH - Phương tiện đo pH của trạm quan trắc môi trường nước	Hạn sử dụng: 30/09/2028 (Chai số 3)

Điều 2. Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Khu vực 2 chịu trách nhiệm duy trì, bảo quản, sử dụng các chuẩn đo lường ghi tại Điều 1 theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Sở KH&CN, Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Giám đốc Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Đo lường Khu vực 2 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Ủy ban TCĐLCL Quốc gia (để b/c);
- VP UBND tỉnh, PCVP(KHCN), PVHCC;
- Lưu: VT, TĐC.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Tấn Liêm